

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **50/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2021

V/v “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Anh**.

2. Bà **Cao Thị Mận**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: *Không tham gia.*

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 712/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Phước H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 11, Ấp 1, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 11, Ấp 1, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

(Ông *Nguyễn Phước H* và bà *Lê Thị T* vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai bổ sung, nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày: Trên cơ sở tự nguyện ông và bà Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 1993 tại xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là hôn nhân lần đầu của ông và bà Lê Thị T. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Ông và bà Lê Thị T không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2017. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị T.

Về con chung: ông và bà Lê Thị T có 04 người con chung là anh Nguyễn Phước S sinh ngày 14/02/1994, chị Nguyễn Thùy G sinh ngày 26/7/1995, anh Nguyễn Phước T sinh ngày 25/4/1998 và anh Nguyễn Phước H sinh ngày 27/4/2002. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn. Tài sản chung và nợ chung không có. Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Phước H về mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về điều kiện kết hôn, bà và ông Nguyễn Phước H chung sống với nhau từ năm 1993 tại xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Nay, ông Nguyễn Phước H yêu cầu ly hôn nên bà cũng thống nhất ly hôn.

Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Phước H khởi kiện yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, bà Lê Thị T hiện đang cư trú tại tổ 11, Ấp 1, xã XH, huyện XL nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phước H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Lê Thị T nên ông Nguyễn Phước H là nguyên đơn, bà Lê Thị T là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T có đơn xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T cung cấp tài liệu chứng cứ là các bản tự khai, nội dung bản tự khai thể hiện đầy đủ, thống nhất và không có mâu thuẫn với nhau nên Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc không tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 tại xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nhưng không đăng ký hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL xác nhận không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Cuộc sống chung của ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau nên ông Nguyễn Phước H yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị T. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T chung sống với nhau sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ quy định Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn

nhân và gia đình, không công nhận ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T là vợ chồng là phù hợp.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T có 04 người con chung là anh Nguyễn Phước S sinh ngày 14/02/1994, chị Nguyễn Thùy G sinh ngày 26/7/1995, anh Nguyễn Phước T sinh ngày 25/4/1998 và anh Nguyễn Phước H sinh ngày 27/4/2002. Các con chung của ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động và không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: anh Nguyễn Phước S sinh ngày 14/02/1994, chị Nguyễn Thùy G sinh ngày 26/7/1995, anh Nguyễn Phước T sinh ngày 25/4/1998 và anh Nguyễn Phước H sinh ngày 27/4/2002 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Phước H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004469 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, ông Nguyễn Phước H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phước H và bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS Huyện Xuân Lộc;
- UBND xã XH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Trường Phát